

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thê

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:**
Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Việt M, sinh năm: 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Song T, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Việt M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Việt M và anh Nguyễn Song T tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã N), huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận và có 01 con chung. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống thì vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau, đời sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh Nguyễn Song T đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Nhận

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị [Trần Thị Việt M](#) đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh [Nguyễn Song T](#).

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu [Nguyễn Trần Thảo N](#), sinh ngày: 15/4/2017. Hiện nay con đang sống cùng chị [M](#). Khi ly hôn chị [M](#) có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị [Trần Thị Việt M](#) xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị [Trần Thị Việt M](#) đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; hiện nay chị [M](#) vì lý do công việc, không chủ động thời gian nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh [Nguyễn Song T](#) thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook “Bác Ba Phi” của anh [Nguyễn Song T](#) (do anh [Nguyễn Văn L](#) là anh trai của anh [T](#) cung cấp thông tin) dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Anh [Nguyễn Song T](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh [Nguyễn Song T](#) thống nhất về nội dung trình bày của chị [Trần Thị Việt M](#) về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Anh [T](#) đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị [M](#), đề nghị Tòa án giải quyết cho anh [T](#) và chị [M](#) được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu [Nguyễn Trần Thảo N](#), sinh ngày: 15/4/2017. Khi ly hôn anh [T](#) đồng ý giao con chung cho chị [Trần Thị Việt M](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Phụ thuộc vào tính chất, tình hình công việc, anh [T](#) sẽ tự chủ động, tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh [Nguyễn Song T](#) thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh [T](#) không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ tại Hàn Quốc nên anh [T](#) xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và ủy quyền cho anh trai là anh [Nguyễn Văn L](#) giao nhận các tài liệu thay anh. Quá trình làm việc, anh [Nguyễn Văn L](#) đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu của anh [Nguyễn Song T](#) và cam kết sẽ thông báo lại nội dung các tài liệu, văn bản kịp thời cho anh [T](#) được biết.

Tại Biên bản xác minh với chính quyền địa phương, đại diện Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cho biết: Quá trình vợ chồng chị [Trần Thị Việt M](#) và anh [Nguyễn Song T](#) sinh sống tại địa phương có mâu thuẫn gì hay không thì Ủy ban nhân dân xã K không nắm được vì vợ chồng chị [M](#), anh [T](#) không thông báo với chính quyền địa phương. Việc chị [Trần Thị Việt M](#) có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh [Nguyễn Song T](#) thì Ủy ban nhân dân xã K không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Trần Thị Việt M](#), cho chị [Trần Thị Việt M](#) và anh [Nguyễn Song T](#) được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là cháu [Nguyễn Trần Thảo N](#), sinh ngày: 15/4/2017 cho chị [Trần Thị Việt M](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị [Trần Thị Việt M](#) phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị [Trần Thị Việt M](#) và anh [Nguyễn Song T](#) đăng ký kết hôn ngày 30/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã N), huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị [Trần Thị Việt M](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh [Nguyễn Song T](#). Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh của Cục Q - Bộ C, xác nhận: Anh [Nguyễn Song T](#), sinh ngày 02/02/1992; số hộ chiếu: C0120601; hộ khẩu thường trú: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 17/12/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị [Trần Thị Việt M](#) có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Bị đơn anh [Nguyễn Song T](#) hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Hàn Quốc, không cung cấp địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh [T](#) yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị [M](#), anh [T](#) theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị [Trần Thị Việt M](#) và anh [Nguyễn Song T](#) tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được [Ủy ban nhân dân xã C](#) (nay là [xã N](#)), [huyện C](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị [M](#) và anh [T](#) là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà anh [T](#) và vợ chồng có với nhau 01 người con. Tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Hiện nay anh [Nguyễn Song T](#) đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên việc hàn gắn hạnh phúc vợ chồng không có kết quả. Nhận thấy tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị [M](#) có yêu cầu được ly hôn với anh [T](#). Anh [T](#) xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc chị [M](#) xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị [M](#) và anh [T](#) là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị [M](#) yêu cầu ly hôn anh [T](#) là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [M](#), cho chị [M](#) và anh [T](#) ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu [Nguyễn Trần Thảo N](#), sinh ngày: 15/4/2017. Chị [M](#) và anh [T](#) đều thống nhất giao con chung cho chị [M](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy cháu [N](#) từ trước tới nay ở cùng với mẹ, anh [T](#) cũng đồng ý giao con chung cho chị [M](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu và không làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của cháu sau khi bố mẹ ly hôn, cần căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung là cháu [Nguyễn Trần Thảo N](#), sinh ngày: 15/4/2017 cho chị [Trần Thị Việt M](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện hoàn cảnh của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị [M](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Quá trình làm việc anh [T](#) trình bày: phụ thuộc vào tính chất, tình hình công việc, anh [T](#) sẽ tự chủ động, tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị [M](#), anh [T](#) đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Trần Thị Việt M](#). Cho chị [Trần Thị Việt M](#) và anh [Nguyễn Song T](#) ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu [Nguyễn Trần Thảo N](#), sinh ngày: 15/4/2017 cho chị [Trần Thị Việt M](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Anh [Nguyễn Song T](#) tự chủ động, tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị [Trần Thị Việt M](#) phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000656 ngày 12/10/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Nam Phúc Thắng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Lệ Thu

